SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN;
Thời gian ký: 2026-10-09T14:55:10+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3038/QĐ-UBND	*Chợ Quán, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về thành lập các cơ quan chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Chợ Quán năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Chợ Quán năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán về bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Trạm Y tế và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Chợ Quán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 3058/TTr-KTHTĐT ngày 8 tháng 10 năm 2026 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2026 của phường Chợ Quán (*đính kèm biểu mẫu*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, thủ trưởng các phòng ban, thuộc phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính/TP;
- TT.ĐU-HĐND P.Chợ Quán;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND/P.Chợ Quán;
- Lưu: VT, P.KTHTĐT (Tài-2b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG CHỢ QUÁN T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Võ Xuân Kỳ

Đơn vị: Phường Chợ Quán **Mẫu biểu số 75**
Chương: 800

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 tháng năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phường Chợ Quán công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	**Dự toán thu ngân sách**	**432.309.000.000**	**442.380.559.603**	**102,330**	
I	**Các khoản thu 100%**	**4.597.000.000**	**6.107.691.097**	**132,863**	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.597.000.000	6.107.691.097	132,863	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**11.416.000.000**	**10.472.099.226**	**91,732**	
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	9.802.000.000	7.397.703.440	75,471	
	Thu phí, lệ phí	292.000.000	552.240.172	189,123	
	Thu khác ngân sách; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	1.322.000.000	2.522.155.614	190,783	
III	**Thu chuyển nguồn**		**12.185.789.172**		
IV	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**42.361.210.608**		
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**416.296.000.000**	**371.253.769.500**	**89,180**	
	Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	140.377.000.000	218.479.500.000		
	Thu bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	150.941.000.000			
	Thu bổ sung có mục tiêu	124.978.000.000	152.774.269.500	122,241	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**432.309.000.000**	**235.321.061.091**	**54,434**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**432.309.000.000**	**235.321.061.091**	**54,434**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**87.110.000.000**	**51.695.480.048**	**59,345**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	31.130.000.000	18.132.619.818	58,248	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	55.980.000.000	33.562.860.230	59,955	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	-	**7.002.425.240**		
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-			
23	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*		7.002.425.240		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**181.521.000.000**	**92.075.661.929**	**50,725**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	89.172.880.000	56.163.814.219	62,983	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	92.348.120.000	35.911.847.710	38,887	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**43.630.000.000**	**19.896.294.458**	**45,602**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.053.000.000	4.821.029.983		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	28.577.000.000	15.075.264.475	52,753	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**51.355.000.000**	**34.411.222.704**	**67,007**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	51.355.000.000	34.411.222.704	67,007	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**5.921.000.000**	**402.793.989**	**6,803**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.921.000.000	402.793.989	6,803	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**8.618.000.000**	**4.221.855.919**	**48,989**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.618.000.000	4.221.855.919	48,989	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**3.236.000.000**	**975.659.235**	**30,150**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	960.000.000	466.569.957	48,601	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.276.000.000	509.089.278	22,368	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	-			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**9.607.000.000**	**5.220.549.269**	**54,341**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.704.000.000	2.656.311.867	71,715	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.903.000.000	2.564.237.402	43,440	
11	**Quốc phòng**	**15.247.000.000**	**8.578.345.181**	**56,263**	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	635.000.000	90.543.214	14,259	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.612.000.000	8.487.801.967	58,088	
12	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**	**11.230.000.000**	**5.350.322.897**	**47,643**	
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-			
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.230.000.000	5.350.322.897	47,643	
13	**Chi khác**	**2.834.000.000**			
14	**Dự phòng**	**11.450.000.000**			
15	**Chi đầu tư phát triển**	**550.000.000**	**4.428.302.046**	**805,146**	
16	**Nộp ngân sách cấp trên**		**1.062.148.176**		
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN